

Số: 16/2025/QĐST - DS

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 320, 323, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2017; Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi bổ sung năm 2017); Căn cứ khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 1, 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q (V); địa chỉ trụ sở: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, số A, P, S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Q (V): ông Hoàng Anh B theo Giấy uỷ quyền về việc nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 099209.24 ngày 20/5/2024.

- *Bị đơn*: anh Hoàng Văn D, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; cùng nơi thường trú: thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở: số B, đường N (C), phường Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền vay nợ*: tính đến hết ngày 20/8/2025, anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Q (V) tổng số tiền là: 2.441.464.112 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu bốn trăm sáu mươi

bốn nghìn một trăm mười hai đồng) gồm: số tiền nợ gốc: 1.803.470.461 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 81.660.176 đồng, nợ lãi quá hạn: 432.649.299 đồng; nợ phí (theo đơn đề nghị mở thẻ tín dụng): 123.684.176 đồng). Cụ thể như sau:

+ Theo hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số 103395607.23 ngày 09/10/2023 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 103396092.23 ngày 09/10/2023 được ký kết giữa: Ngân hàng TMCP Q chi nhánh C với anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H là: 2.059.908.728 đồng, gồm: số nợ gốc là 1.647.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 81.660.176 đồng, nợ lãi quá hạn: 330.448.552 đồng;

+ Theo Đơn đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 10/10/2023 mang tên chủ thẻ chính Hoàng Văn D là: 381.555.384 đồng, gồm: số tiền nợ gốc: 155.670.461 đồng, số tiền nợ lãi là: 102.200.747 đồng và nợ phí: 123.684.176 đồng.

2.2. Về phương thức trả nợ:

+ Chậm nhất ngày 25/9/2025: anh Hoàng Văn D, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), số tiền này thu vào nợ gốc.

+ Chậm nhất đến ngày 20/10/2025: anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền bao gồm: nợ gốc còn lại, số tiền nợ lãi chưa trả (gồm: nợ lãi trong hạn là 81.660.176 đồng, nợ lãi quá hạn: 432.649.299 đồng; nợ phí (theo đơn đề nghị mở thẻ tín dụng): 123.684.176 đồng) và số tiền nợ lãi, phí phát sinh kể từ ngày kể từ ngày 21/8/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị mở thẻ tín dụng nêu trên.

2.3. Kể từ ngày 21/8/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay, anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 103395607.23 ngày 09/10/2023, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 103396092.23 ngày 09/10/2023 được ký kết giữa: Ngân hàng TMCP Q Chi nhánh C với anh Hoàng Văn D, chị Nguyễn Thị H và đơn đề nghị mở thẻ tín dụng cá nhân mang tên chủ thẻ chính Hoàng Văn D.

2.4. Về việc xử lý tài sản thế chấp: trong trường hợp anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H vi phạm thời hạn trả nợ nêu trên (không trả hoặc trả không đủ hoặc trả không đúng hạn ...) thì anh Hoàng Văn D đồng ý để Ngân hàng TMCP Q (V) có quyền được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm là: Quyền sử dụng 100 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 55 (ô 38 Lô A3), tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: khu T, phường C, thành phố C nay là tổ F, khu T,

phường Q, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DE638814, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00102 do UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/9/2023 đứng tên người sử dụng đất Hoàng Văn D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0014338.23 ngày 09/10/2023, số công chứng: 8416, Quyền số: 01.2023.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 công chứng ngày 09/10/2023, được ký kết giữa bên thế chấp anh Hoàng Văn D với bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP Q (V).

2.5. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V) thì anh Hoàng Văn D, chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.6. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về án phí: anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm: 40.414.641 đồng (*bốn mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền: 35.094.520 đồng (*ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Q đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000004427050 ngày 20/5/2025 của Công ty cổ phần T và biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0000968 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Quảng Ninh).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 9.500.000 đồng (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định cho Ngân hàng TMCP Q (V).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh